CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày tháng năm 2015

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng số 1 Thừa Thiên Huế

2. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 45 khu quy hoạch Vỹ Dạ 7, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế

Số điện thoại: 054.3848467 - 054. 3824873 Số fax: 054.3830266

Email: tvxds1@yahoo.com.vn Website:

3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: Bùi Đăng Lào
- Chức vụ: Giám đốc

5. Quyết định thành lập:

Cơ quan ký quyết định: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Số: 3919/QĐ-UBND, ngày: 15/11/2005

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số: 3300385324, ngày cấp: 27/5/2013 (lần 3), Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế

7. Vốn điều lệ: 1.113.500.000 đồng

8. Số lượng cán bộ, nhân viên có chuyên môn cao của Tổ chức (chỉ tính người đang tham gia nộp BHXH): 50 người.

Trong đó:

+ Trên đại học: 03 người.

+ Đại học: 42 người.

Bảng thống kê cán bộ, nhân viên có chuyên môn cao của Tổ chức:

STT	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng	Ghi chú
1	Chủ nhiệm lập dự án	05	- Dân dụng hạng 1: 03 - Công nghiệp hạng 2: 02 - Hạ tầng kỹ thuật hạng 2: 02 - Giao thông hạng 2: 01 - Thủy lợi: 01
2	Giám đốc tư vấn quản lý dự án	02	Dân dụng hạng 02: 02
3	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch đô thị	03	
4	Chủ trì bộ môn chuyên ngành quy hoạch đô thị	03	
5	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng	02	- Dân dụng hạng 1: 02 - Công nghiệp hạng 2: 02 - Hạ tầng kỹ thuật hạng 1: 01

			- Hạ tầng kỹ thuật hạng 2: 01 - Giao thông hạng 2: 02 - Thủy lợi hạng 2: 02
6	Chủ nhiệm thiết kế XDCT	07	- Dân dụng hạng 1: 03 - Công nghiệp hạng 2: 02 - Hạ tầng kỹ thuật hạng 2: 02 - Giao thông hạng 2: 01 - Thủy lợi hạng 2: 01
7	Chủ trì thiết kế XDCT	18	
8	Chỉ huy trưởng công trường	02	Dân dụng hạng 02: 2
9	Kỹ sư xây dựng	18	
10	Kiến trúc sư	12	
11	Kỹ sư kinh tế xây dựng	0	
12	Kỹ sư chuyên ngành xây dựng khác	08	
13	Cử nhân chuyên ngành kinh tế	05	

Bảng thông tin các cá nhân chủ chốt biên chế làm việc không thời hạn trong tổ chức:

STT	Họ và tên	Trình độ, chuyên môn, số và loại chứng chỉ			Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
		Trình độ	Chuyên môn	Số và loại chứng chỉ		
1	Bùi Đăng Lào	Đại học, KSXD DD&CN	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình HTKT (San nền, vỉa hè, thoát nước nội bộ)	KS-054-00029	32	
			Kỹ sư định giá xây dựng hạng 2	054-0025		
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	09/QLDA		
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ Giám đốc tư vấn quản lý dự án	28/2014/CN/GĐQLDA		
2	Hồ Văn Quang	Thạc sĩ, KSXD DD&CN	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình HTKT (San nền, vỉa hè, thoát nước nội bộ)	KS-054-00030	27	
			Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình dân dụng và công nghiệp; công trình HTKT (san nền, vỉa hè, thoát nước nội bộ)	GS1-054-00056		
			Kỹ sư định giá xây dựng	054-0024		

			hạng 2			
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	526QĐ-110/QLDA		
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ Giám đốc tư vấn quản lý dự án	29/2014/CN/GĐQLDA		
3	Phan Thế Đạt	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình và nội - ngoại thất công trình	KTS-054-00053	16	
			Chứng chỉ bồi dưỡng sau đại học "Quy hoạch, kiến trúc,công nghệ và quản lý nhà cao tầng"	26/01/2002		
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ chủ nhiệm lập dự án	07/2012/CN/CNLDA		
4	Phan Việt Hưng	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình, Thiết kế nội-ngoại thất công trình	KTS-054-00152	12	
5	Phan Văn Thuần	Thạc sĩ, Kiến trúc sư	Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình, Thiết kế nội-ngoại thất công trình	KTS-054-00035	12	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	35/QĐ-110/QLDA		
6	Trần Xuân Trịnh	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình	KTS-054-00149	14	
7	Nguyễn Hoài Bắc	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	KTS-054-00107	12	
8	Nguyễn Khoa Quang	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình	KTS-054-00168	5	
9	Đỗ Hòa	Đại học, KSXD DD&CN	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, HTKT	KS-054-00031	18	
10	Võ Văn Vinh	Thạc sĩ, KSXD DD&CN	Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	KS-054-00190	15	
			Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình dân dụng và công nghiệp	GS1-054-00084		
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công	34/QĐ-110/QLDA		

			trình			
11	Nguyễn Đăng Bảng	Đại học, KSXD DD&CN	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	KS-054-00232	11	
12	Nguyễn Thanh Long	Đại học, KSXD DD&CN	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	KS-054-00369	8	
13	Trần Ngọc Hoàng Minh	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Thiết kế xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật	KS-054-00312	13	
14	Lê Thị Hương Đào	Đại học, Kỹ sư xây dựng Thủy lợi	Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi; Thiết kế công trình xây dựng HTKT (San nền, vĩa hè, thoát nước nội bộ)	KS-054-00247	13	
			Kỹ sư định giá xây dựng hạng 2	054-0022		
15	Đỗ Nguyên Cường	Đại học, Kỹ sư Điện Kỹ thuật	Thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế các công trình điện có điện áp đến 35KV	KS-054-00215	13	
			Giám sát "Lắp đặt thiết bị công trình" điện dân dụng và công nghiệp	GS1-054-00573		
16	Nguyễn Anh Long	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cấp thoát nước	Thiết kế cấp thoát nước đô thị	KS-054-00457	7	
			Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình cấp thoát nước	GS1-054-00821		
17	Võ Văn Quang	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ), hạ tầng kỹ thuật (San nền, vĩa hè, thoát nước nội bộ)	KS-054-00514	6	
			Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình giao thông (đường bộ); công trình HTKT (San nền, vĩa hè, thoát nước nội bộ)	GS1-054-00926		
18	Lê Hồng Mẫn	Đại học, Kỹ sư Điện Kỹ thuật	Thiết kế điện công trình dân dụng	KS-054-00545	5	
			Giám sát "Lắp đặt thiết bị công trình" điện dân dụng	GS1-054-00969		
19	Nguyễn Hải Triều	Đại học, Địa lý Tài nguyên môi trường	Khảo sát địa hình công trình	KS-054-00128	14	
20	Tống Viết Nhật Hoàng	Đại học, Địa chất	Khảo sát **địa chất** công trình; Khảo sát **địa hình** trong phạm vi dự án đầu	KS-054-00246	12	

			tư xây dựng công trình			
21	Nguyễn Tất Quỳnh Giao	Đại học, Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Kỹ sư định giá xây dựng hạng 2	054-0023	16	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	13/QĐ-110/QLDA		
22	Đỗ Thị Hằng	Đại học, Kỹ sư cơ khí công trình	Kỹ sư định giá xây dựng hạng 2	054-0071	9	
23	Nguyễn Hữu Bình	Đại học, Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình dân dụng	GS1-054-00059	15	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	09/QLDA		
24	Hồ Nhật Tân	Đại học, Kỹ sư xây dựng Dân dụng	Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình dân dụng	GS1-054-00767	6	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	30/QĐ-110/QLDA		
25	Lê Phú Hoài Nhật	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình giao thông (cầu, đường bộ); công trình HTKT (San nền, vĩa hè, thoát nước nội bộ)	GS1-054-00392	7	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	09/QLDA		
26	Hồ Văn Hùng	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình giao thông	GS1-054-00393	8	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	09/QLDA		
27	Nguyễn Anh Tú	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường	GS1-027-02455	6	
			Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	32/QĐ-110/QLDA		
28	Nguyễn Hoàng Minh Trí	Đại học, Kỹ sư xây dựng Thủy lợi-	Giám sát thi công "xây dựng và hoàn thiện" công trình thủy lợi; công trình	GS1-054-00839	5	

		Thủy điện	HTKT (San nền, vỉa hè, thoát nước nội bộ)			
29	Hồ Thái Duy	Đại học, Kỹ sư xây dựng Dân dụng	Thiết kế kết cấu xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp		12	
30	Trần Phương Nam	Đại học, Kỹ sư xây dựng Cầu đường	Thiết kế xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật		12	
31	Lê Cường	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		6	
32	Võ Đức Hùng	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		6	
33	Bùi Đăng Khôi	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		6	
34	Trần Thị Hòa	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		5	
35	Lê Quang Đạt	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		5	
36	Trần Thái Sơn	Đại học, Kiến trúc sư	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp		4	
37	Tôn Thất Tùng	Đại học, Cử nhân Mỹ thuật công nghiệp	Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, Thiết kế nội-ngoại thất công trình		7	
38	Hồ Hữu Toàn	Đại học, Kỹ sư quản lý đất đai	Khảo sát địa hình, địa chất công trình		7	
39	Nguyễn Hoàng Thụy Vũ	Đại học, Cử nhân kinh tế			18	
40	Trần Thị Lý Như	Đại học, Cử nhân kinh tế			15	
41	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	Đại học, Cử nhân kinh tế			12	

42	Cao Thị Mỹ Linh	Đại học, Cử nhân kinh tế			13	
43	Đặng Thị Hoài Nhung	Đại học, Kỹ sư xây dựng Dân dụng			3	

9. Có hệ thống quản lý chất lượng: □ Có □ Không

- Số chứng chỉ ISO:

- Cơ quan chứng nhận:

10. Phòng thí nghiệm có thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: (nếu có)

- Tên, địa chỉ phòng thí nghiệm và mã số phòng thí nghiệm:

11. Thống kê các dự án, công trình tiêu biểu đã và đang thực hiện trong vòng 03 năm gần nhất:

STT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Hình thức tham gia (thầu chính/phụ)	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị thực hiện (Đồng)	Ghi chú
Công trình Dân dụng						
1	Thiết kế **Quy hoạch** Khu nhà ở Tam Thai, phường An Cựu, thành phố Huế	Thầu chính	Phường An Cựu, thành phố Huế; Quy mô 3,3 ha	Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế	432.567.000	33-2012/HĐ-TVXD
2	Khảo sát, Thiết kế **Quy hoạch** chung đô thị mới Thanh Hà, xã Quảng Thành	Thầu chính	Xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quy mô 1.049 ha	UBND huyện Quảng Điền	576.730.000	01/2012/HĐ-TVXD
3	**Lập dự án** Cơ sở làm việc khối An ninh thuộc CA tỉnh Thừa Thiên Huế	Thầu chính	Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm B, cấp II	Công an tỉnh Thừa Thiên Huế	284.809.000	96-2011/HĐ-TVXD
4	Khảo sát, **Lập dự án** Trung tâm Thể dục thể thao Thị trấn Thuận An	Thầu chính	Thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm C, cấp III	Ban ĐT&XD huyện Phú Vang	202.000.000	116-2012/HĐ-TVXD
5	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Trung tâm Văn hóa thể thao thanh thiếu niên huyện Nam Đông	Thầu chính	Huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm C, Công trình cấp II	Ban ĐT&XD huyện Nam Đông	670.598.000	20-2013/HĐ-TVXD
6	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Nhà văn hóa trung tâm huyện Phú Lộc	Thầu chính	Huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm B, cấp II	Ban ĐT&XD huyện Phú Lộc	720.000.000	34-2013/HĐ-TVXD
7	**Thẩm tra** Trung tâm thí nghiệm Nông lâm nghiệp miền Trung thuộc dự án ĐTXD Đại học Huế bước 2	Thầu chính	Tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Đại học Huế	74.000.000	31-2012/HĐ-TTTK

STT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Hình thức tham gia (thầu chính/phụ)	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị thực hiện (Đồng)	Ghi chú
	GĐ 1					
8	**Thẩm tra** Đầu tư, tăng cường khả năng kiểm định, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho TT Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường tỉnh TTH	Thầu chính	Phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh TT Huế	36.239.000	07/2014/HĐ-TVTT
9	**Quản lý dự án** Trụ sở làm việc Hải quan cửa khẩu A Đớt	Thầu chính	Xã A Đớt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế	387.932.000	01/2013/HĐ-QLDA
10	**Quản lý dự án** Chỉnh trang khu lưu niệm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh	Thầu chính	Xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Bảo tàng lịch sử và Cách mạng Thừa Thiên Huế	13.451.000	04-2013/HĐ-TVXD
11	**Tư vấn giám sát** Trường TH Hương Long, số 2 Phú Đa, TH&THCS Thủy Tân	Thầu chính	Tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban QLDA Xây dựng trường học & trồng rừng	248.023.600	08-2011/HĐ-TVXD
12	**Tư vấn giám sát** Trường Trung cấp nghề số 10: Khối nhà học lý thuyết, san nền GĐ 1, cổng nhà bảo vệ, hàng rào	Thầu chính	Xã Thủy Bằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Trường Trung cấp nghề số 10	197.958.000	109c-1/TVGS-2013
	Công trình Công nghiệp					
1	Khảo sát, Thiết kế **Quy hoạch** chi tiết khu Công nghiệp Quảng Vinh	Thầu chính	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quy mô 130 ha	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh TT Huế	1.532.687.000	22-2011/HĐ-TVXD
2	Khảo sát, Thiết kế **Quy hoạch** chi tiết khu Công nghiệp Phú Đa	Thầu chính	Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quy mô 230 ha	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh TT Huế	999.801.000	06/2013/HĐ-TVXD
3	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Xưởng may truyền thống trường Trung cấp nghề Huế	Thầu chính	Phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, công trình cấp III	Trường Trung cấp nghề Huế	110.825.000	62-2011/HĐ-TVTK
4	**Thiết kế kỹ thuật** Xi lô nhà máy Frit Huế	Thầu chính	Khu công nghiệp Phú Bài, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Nhà máy Frit Huế	10.000.000	50-2013/HĐ-TVXD
5	**Thẩm tra** Xưởng cơ khí khu sản xuất	Thầu chính	Khu công nghiệp Làng nghề Hương Sơ,	Công ty TNHH 1TV	10.000.000	47/2012/HĐ-TTTK

STT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Hình thức tham gia (thầu chính/phụ)	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị thực hiện (Đồng)	Ghi chú
	VLXD HTKT Đô thị Huế (GĐ 2)-Khu CN Làng nghề H.Sơ		phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Môi trường & Công trình Đô thị Huế		
6	**Thẩm tra** Kho tổng hợp cho thuê Khu công nghiệp Phú Bài	Thầu chính	Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Cty TNHH Một thành viên ĐT&PT hạ tầng Khu công nghiệp Phú Bài	25.000.000	30-2013/HĐ-TTTK
7	**Tư vấn giám sát** Kho tổng hợp cho thuê khu công nghiệp Phú Bài	Thầu chính	Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Cty TNHH Một thành viên ĐT&PT hạ tầng Khu công nghiệp Phú Bài	144.536.000	12-2013/HĐ-TVGS
	Công trình Hạ tầng kỹ thuật					
1	Khảo sát, **Lập dự án** HTKT khu dân cư khu vực 1 phường Thủy Dương	Thầu chính	Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm C, công trình cấp III	Ban ĐT&XD thị xã Hương Thủy	334.000.000	10-2011/HĐ-TVXD
2	Khảo sát, **Lập điều chỉnh dự án** HTKT khu tái định cư Lịch Đợi (Giai đoạn 3) thuộc dự án Cầu đường bộ Bạch Hổ qua sông Hương	Liên danh	Tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm C, công trình cấp III	Ban ĐT&XD Giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế	1.063.523.000	01-4/2014/HĐTVXD
3	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Hạ tầng khu đất ở xen ghép khu vực tổ dân phố 5 phường Hương Chữ	Thầu chính	Phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban ĐT&XD thị xã Hương Trà	51.208.000	59-2013/HĐ-TVXD
4	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** HTKT Nhà tạm giam giữ thuộc Công an thành phố Huế	Thầu chính	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Trung tâm Quản lý Nhà và đất Thành phố Huế	138.777.000	76/2011/HĐTV
5	**Thẩm tra** HTKT khu TĐC1 thuộc khu A-Đô Thị mới An Vân Dương	Thầu chính	Phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban Quản lý Phát triển khu Đô thị mới tỉnh TT Huế	48.695.000	09HĐ/2011/HĐ-Ttra
6	**Thẩm tra** Tuyến ống truyền tải nước sạch cho nhà máy Bia Huda - Khu công nghiệp Phú Bài	Thầu chính	Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xây dựng & Cấp nước TT Huế	120.000.000	61-2013/HĐ-TVTT
7	**Quản lý dự án**	Thầu chính	Phường Thủy Xuân,	Trung tâm	393.800.000	01/2014/HĐ-

STT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Hình thức tham gia (thầu chính/phụ)	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị thực hiện (Đồng)	Ghi chú
	HTKT khu TĐC, tổ 6, khu vực 1, phường Thủy Xuân		thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên &Môi trường TT Huế		QLDA
8	**Tư vấn giám sát** HTKT khu TĐC Thủy Dương GĐ 2	Thầu chính	Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban Quản lý Phát triển khu Đô thị mới tỉnh TT Huế	457.979.000	03/2012/HĐTVXD
9	**Tư vấn giám sát** Nâng cấp tuyến ống truyền tải nước sạch dọc đường Điện Biên Phủ, Đống Đa	Thầu chính	Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xây dựng & Cấp nước TT Huế	680.000.000	15/2013/HĐ-TVGS
Công trình Giao thông						
1	Khảo sát, **Lập dự án** Tuyến đường quy hoạch từ QL49A vào vùng nuôi trồng thủy sản nối đường Đoàn Trực	Thầu chính	Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm C, công trình cấp III	Ban ĐT&XD huyện Phú Vang	122.000.000	117-2012/HĐ-TVXD
2	Khảo sát, **Lập dự án** Nâng cấp mở rộng tuyến đường Hoàng Sa	Thầu chính	Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình nhóm C, công trình cấp III	Ban ĐT&XD huyện Phú Vang	210.000.000	111-2014/HĐ-TVXD
3	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Tuyến đường quy hoạch từ QL49A vào vùng nuôi trồng thủy sản nối đường Đoàn Trực	Thầu chính	Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban ĐT&XD huyện Phú Vang	310.000.000	127-2012/HĐ-TVXD
4	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Đường trục chính xã Vinh An	Thầu chính	Xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban ĐT&XD huyện Phú Vang	300.000.000	94-2013/HĐ-TVXD
5	**Thẩm tra** Đường nối từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Thủy Dương - Thuận An	Thầu chính	Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp II	Ban Quản lý Phát triển khu Đô thị mới tỉnh Thừa Thiên Huế	117.759.000	35/HĐ/2012/HĐ-Ttra
6	**Thẩm tra** Đường Trung tâm mặt cắt 100m thuộc khu A Đô thị mới An Vân Dương	Thầu chính	Huyện Phú Vang-Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp II	Ban Quản lý Phát triển khu Đô thị mới tỉnh Thừa Thiên Huế	38.817.000	06HĐ/2013/HĐ-Ttra
7	**Tư vấn giám sát** Nâng cấp mở rộng	Liên danh	Huyện Phú Vang-Thị xã Hương Thủy, tỉnh	Ban Quản lý Phát triển khu	1.434.000.000	32/TVGS/2012

STT	Tên, loại dự án, công trình, công việc thực hiện	Hình thức tham gia (thầu chính/phụ)	Địa điểm, Quy mô dự án và cấp công trình	Tên chủ đầu tư	Giá trị thực hiện (Đồng)	Ghi chú
	đường TL10A-Đoạn qua khu C Đô thị mới An Vân Dương		Thừa Thiên Huế; Công trình cấp II	Đô thị mới tỉnh Thừa Thiên Huế		
8	**Tư vấn giám sát** Đường ra sông Phát Lát nối dài	Thầu chính	Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp II	Ban Quản lý Phát triển khu Đô thị mới tỉnh TT Huế	625.252.000	46TVGS/2012
	Công trình Thủy lợi					
1	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Kênh mương khe Cram - Cha Liêu, thôn A Xách, xã Thượng Nhật	Thầu chính	Xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	BQL chương trình 135 xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông	23.383.000	02-2012/HĐ-KSTK
2	Khảo sát, **Thiết kế kỹ thuật** Kênh tưới, trạm bơm Hà Thượng xã Vinh Thái	Thầu chính	Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	UBND xã Vinh Thái, huyện Phú Vang	141.000.000	89-2013/HĐ-TVXD
3	**Thẩm tra** Kè sông Đông Ba (từ bến đò ngang B.Đăng đến cầu Bãi Dâu)	Thầu chính	Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban ĐT&XD thành phố Huế	4.182.000	68/2012/HĐ-TTTK
4	**Thẩm tra** Nạo vét sông Ngự Hà và sông An Hòa	Thầu chính	Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Ban ĐT&XD thành phố Huế	19.992.000	138-2012/HĐ-TTTK
5	**Quản lý dự án** Xử lý khẩn cấp chống sạt lỡ bờ biển qua khu vực xã Vinh Hải	Thầu chính	Xã Vinh Hải, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp III	Chi cục Phòng chống bão lụt & Đê điều tỉnh TT Huế	31.541.000	02/2013/HĐ-QLDA
6	**Tư vấn giám sát** Kiên cố hóa kênh mương HTX Nông nghiệp Phú Lương 1	Thầu chính	Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp IV	HTX Nông nghiệp Phú Lương 1	14.767.000	05-2011/HĐ-TVGS
7	**Tư vấn giám sát** Kiên cố hóa kênh mương Phú Thanh 1: kênh Cồn Mới - Tự Điền	Thầu chính	Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Công trình cấp IV	HTX Nông nghiệp Phú Thanh 1	12.504.000	10-2013/HĐ-TVXD

12. Những lĩnh vực thuộc thế mạnh của tổ chức:

Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng;

Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi;

Tư vấn thiết kế, thẩm tra, lập dự toán, tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi;

Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất các công trình xây dựng;

Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi;

Tư vấn quản lý dự án, đấu thầu công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi;

13. Các công trình khen thưởng:

STT	Tên công trình, loại và cấp công trình, địa điểm xây dựng, công việc thực hiện	Hình thức khen thưởng	Cơ quan khen thưởng	Ghi chú
1	Trụ sở lực lượng Cảnh sát thuộc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, nhà 10 tầng, công trình cấp II, địa điểm xây dựng: thành phố Huế, công việc thực hiện: khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật	Đơn vị đã có thành tích trong công tác tư vấn thiết kế công trình	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	

14. Các công trình vi phạm: Không

15. Tổ chức tự đánh giá điều kiện năng lực và xếp hạng theo quy định:

A. Lập dự án đầu tư xây dựng:

1. Dân dụng: đủ điều kiện năng lực hạng 1

2. Công nghiệp: đủ điều kiện năng lực hạng 2

3. Hạ tầng kỹ thuật: đủ điều kiện năng lực hạng 2

B. Quản lý dự án đầu tư xây dựng:
Được thực hiện quản lý Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

C. Thiết kế quy hoạch xây dựng:
Được phép làm quy hoạch chung xây dựng đô thị loại 4, loại 5 và tương đương, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và quy hoạch chi tiết xây dựng từ 200 ha trở xuống.

D. Thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình:

1. Dân dụng: đủ điều kiện năng lực hạng 1

2. Công nghiệp: đủ điều kiện năng lực hạng 2

3. Hạ tầng kỹ thuật: đủ điều kiện năng lực hạng 2

4. Giao thông: đủ điều kiện năng lực thiết kế công trình cấp III

5. Thủy lợi: đủ điều kiện năng lực thiết kế công trình cấp III

Đ. Khảo sát xây dựng công trình:

1. Dân dụng: đủ điều kiện năng lực hạng 2

2. Công nghiệp: đủ điều kiện năng lực khảo sát công trình cấp III

3. Hạ tầng kỹ thuật: đủ điều kiện năng lực hạng 2

4. Giao thông: đủ điều kiện năng lực khảo sát công trình cấp III

5. Thủy lợi: đủ điều kiện năng lực khảo sát công trình cấp III

E. Giám sát xây dựng công trình:

1. Dân dụng: đủ điều kiện năng lực giám sát thi công công trình cấp III

2. Công nghiệp: được giám sát thi công công trình cấp IV

3. Hạ tầng kỹ thuật: đủ điều kiện năng lực giám sát thi công công trình cấp III

4. Giao thông: đủ điều kiện năng lực giám sát thi công công trình cấp III

5. Thủy lợi: đủ điều kiện năng lực giám sát thi công công trình cấp III

II. THÔNG TIN NĂNG LỰC CÁC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG: LẬP DỰ ÁN, QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ, THẨM TRA THIẾT KẾ, GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, KIỂM ĐỊNH, GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Lĩnh vực lập dự án đầu tư xây dựng công trình:

Loại công trình	Số lượng dự án đã thực hiện theo loại dự án đầu tư XDCT			Ghi chú
	Quan trọng quốc gia, A	B	C	
Dân dụng		11	13	
Công nghiệp			2	
Giao thông			2	
Hạ tầng kỹ thuật		5	11	
Thủy lợi			4	

2. Lĩnh vực quản lý dự án đầu tư XDCT:

Loại công trình	Số lượng dự án đã thực hiện theo loại dự án đầu tư XDCT			Ghi chú
	Quan trọng quốc gia, A	B	C	
Dân dụng			3	
Công nghiệp				
Giao thông				
Hạ tầng kỹ thuật			1	
Thủy lợi			1	

3. Lĩnh vực thiết kế quy hoạch xây dựng:

Loại đô thị	Số lượng đồ án quy hoạch đã thực hiện	Ghi chú
Đô thị loại đặc biệt		
Đô thị loại I		
Đô thị loại II		
Đô thị loại III		
Đô thị loại IV		
Đô thị loại V	18	
Quy hoạch chuyên ngành	3	

4. Lĩnh vực khảo sát xây dựng công trình:

Loại công trình	Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình					Ghi chú
	Đặc biệt	I	II	III	IV	
Dân dụng		1	6	8	>100	
Công nghiệp				8	>2	
Giao thông				6	>50	
Hạ tầng kỹ thuật				>10	>20	
Thủy lợi				5	>50	

5. Lĩnh vực hoạt động thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

Loại công trình	Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình					Ghi chú
	Đặc biệt	I	II	III	IV	
Dân dụng		1	6	8	>100	
Công nghiệp				8	>2	
Giao thông				6	>50	
Hạ tầng kỹ thuật				>10	>20	
Thủy lợi				5	>50	

6. Lĩnh vực giám sát chất lượng công trình xây dựng:

Loại công trình	Số lượng công trình đã thực hiện theo cấp công trình					Ghi chú
	Đặc biệt	I	II	III	IV	
Dân dụng			1	31		32
Công nghiệp				3	2	5
Giao thông			2	7	10	19
Hạ tầng kỹ thuật		1	2	12	8	23
Thủy lợi				4	3	7

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG SỐ 1 THỪA THIÊN HUẾ

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN X.DỰNG SỐ 1 THỪA THIÊN HUẾ

Bùi Đăng Lào